

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HSST

Ngày: 13/10/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Bà Hoàng Thị Lợi

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1996. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, Xã Đại T, Huyện L, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc; Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 12/12. Con ông: Không có bố. Con bà: Đỗ Thị H. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Tạm giữ, tạm giam: Không, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Danh, chỉ bản số 456 ngày 15/8/2018 của Công an huyện A, Hà Nội. Có mặt.

*- Người bị hại:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1965. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn M, Xã Đ, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị Hồng, sinh năm 1961. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, Xã Đại T, Huyện L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/8/2018, bà Lê Thị H (sinh năm 1965, trú tại: thôn M, xã Đ, huyện A, Hà Nội) đến cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A trình báo về hành vi của Nguyễn Văn H trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng xảy ra ngày 30/5/2018.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra làm rõ như sau: Nguyễn Văn H và anh Vương Ngọc K (sinh năm 1991, con bà H) quen biết nhau khi cùng làm công

nhân tại Khu công nghiệp T, huyện A, Hà Nội. H thường xuyên đến nhà anh K chơi, ở lại 2 đến 3 ngày rồi về. H cho anh K mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, BKS: 29Z1-309.69 (là tài sản của H) làm phương tiện đi làm.

Chiều ngày 29/5/2018, H đến nhà bà H chơi với anh K. Đêm cùng ngày, H và anh K ngủ tại phòng khách. Đến khoảng 08 giờ ngày 30/5/2018, H đi vệ sinh, để ý bà Lê Thị H khóa cửa phòng ngủ, cất chìa khóa tại gầm cầu thang tầng 1 nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H quay lại giường, đợi bà H đi làm sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, bà H đi làm, anh K đang ngủ, H đến gầm cầu thang lấy chùm chìa khóa (gồm 2 chìa) đặt trong ngăn bàn gỗ, dùng chìa khóa mở khóa cửa phòng ngủ tại tầng 1 của bà H. Trong phòng H nhìn thấy một tủ gỗ loại 5 cánh, 3 buồng, không có khóa, H mở cánh tủ buồng thứ nhất bên phải, tại ngăn trên cùng có 01 túi xách có quai đeo màu đỏ. H lục túi xách thấy 01 ví giả da màu nâu, bên trong có một cọc tiền các mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. H rút một tệp gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 15 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (tổng là 8.000.000 đồng) cất giấu vào túi quần, rồi để số tiền còn lại vào ví và túi xách để ở vị trí ban đầu, đóng cánh tủ, khóa phòng ngủ. H để chùm chìa khóa vào vị trí cũ rồi bỏ đi, để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, BKS: 29Z1-309.69 ở nhà bà H.

Ngày 17/7/2018, H nhắn tin với anh K trên phần mềm Messenger của Facebook, thừa nhận trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng của bà H, H đã tiêu sài hết vào mục đích cá nhân.

Ngày 30/7/2018, H đưa bà Đỗ Thị H (sinh năm 1961, là mẹ đẻ H) đến gặp bà Lê Thị H, tự nguyện khắc phục trả bà H số tiền 8.000.000 đồng.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Vật chứng tạm giữ:

- Của Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, số Imei: 354957070609733, lắp sim thuê bao số 01882503274.

- Của bà Lê Thị H: 01 xe máy Wave RSX, BKS: 29Z1-309.69; số máy: JA31E0210289; số khung: RLHJA3116EY112174.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, BKS: 29Z1-309.69 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, lắp sim thuê bao số 01882503274 là tài sản hợp pháp của H, không liên quan đến vụ án. Ngày 13/8/2018, cơ quan cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho H.

Phần dân sự: Sau khi nhận đủ tiền bồi thường, bà H không còn yêu cầu gì về dân sự, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho H.

Tại cáo trạng số 157/VKS-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị

cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn H với mức án tù từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không còn yêu cầu gì nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*{1} Về hành vi, quyết định tố tụng* của cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có KH nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*{2} Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/5/2018 tại nhà bà Lê Thị H ở thôn M, xã Đ, huyện A, Hà Nội, Nguyễn Văn H có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng của bà H để trong tủ. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì chẳng những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện A. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình phạm tội.

*{2.1} Về nhân thân và tình tiết tăng nặng:* Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng.

*{2.2} Về tình tiết giảm nhẹ:* Bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã tích cực cùng gia đình bồi thường toàn bộ cho người bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn: Bị cáo không có bố, mẹ bị cáo là người khuyết tật bẩm sinh, là đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bị cáo là lao động duy nhất trực tiếp nuôi mẹ tàn tật; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Người bị hại có lời khai đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện lao động nuôi mẹ tàn tật, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

{3} *Về phần bồi thường dân sự:* Người bị hại đã nhận lại tài sản, không còn yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

{4} *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung công quỹ nhà nước.

{5} *Về quyền kháng cáo:* Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng Hình sự.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Văn H 08 (Tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đại T, huyện L, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện L, thành phố Hà Nội thì Ủy ban nhân dân xã Đại T, huyện L có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự huyện L để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện L, thành phố Hà Nội thì cơ quan thi hành án hình sự huyện L có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án treo theo quy định của Luật thi hành án Hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo và bà Hồng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Bà Hồng chỉ có quyền kháng cáo về phần tài sản có liên quan.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện A.
- Những người tham gia tố tụng.
- Công an huyện A.
- Lưu hồ sơ.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Vân**

